

PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ CHÍNH SÁCH GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI XÃ HỘI BỀN VỮNG

Moggallana Sraman*

1. GIỚI THIỆU

Gia đình là cơ sở trung tâm cho sự phát triển của một xã hội bền vững. Nó đã và vẫn là tổ chức có giá trị nhất trên thế giới. Như Unicef Synt tổng hợp báo cáo rằng: các chính sách gia đình là nền tảng chính của chính sách công quốc gia và là phương tiện có ý nghĩa nhất để các chính phủ ảnh hưởng đến mức sống của các thế hệ sắp tới. Là một phần để đạt được tham vọng toàn cầu của các Mục tiêu Phát triển Bền vững, các chính sách gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu trên nhiều mục tiêu. Hầu như mọi người bắt đầu cuộc sống trong một gia đình nào đó. Loại gia đình có ảnh hưởng đến loại người lớn lên. Plato cũng nhận ra tầm quan trọng của gia đình đối với sự phát triển đạo đức của cá nhân. Gia đình là trường học của đạo đức, nhưng họ còn hơn thế.

Khi chúng ta xem xét vai trò của sự từ bỏ, tách rời và theo đuổi sự giác ngộ của cá nhân, cuộc sống gia đình không được khuyến khích. Sau đó, nhiều bài giảng về các vấn đề gia đình đã được Đức Phật dạy theo những cách khác nhau. Trong bài kinh Sigālovāda của Dīghanīkaya, Đức Phật gặp một chàng trai trẻ tôn vinh cha

* University of Kelaniya, Sri Lanka

Người dịch: SC. Tâm Thảo

mẹ đã chết của mình bằng cách thực hiện các nghi lễ. Đức Phật tái hiện những nghi thức vô nghĩa về mặt hạnh kiểm. Đây là bài diễn văn chi tiết nhất về đạo đức cho giáo dân, hoàn toàn thảo luận về gia đình.

Ngoài ra, Phật giáo đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết lập một chính sách gia đình hiệu quả. Gia đình và xã hội phụ thuộc vào nhau và sự kết nối này là không thể phủ nhận. Gia đình như một tổ chức được đánh giá cao trong hệ thống tư tưởng Phật giáo. Trong khi Aggañña Sutta được phân tích sâu sắc, nó cho thấy một sự tiến hóa có hệ thống, giải thích làm thế nào một gia đình có thể sinh ra một xã hội. Vì vậy, các gia đình tốt sẽ được xem xét để thành lập xã hội bền vững. Ở đây, gia đình không chỉ được định nghĩa là gia đình Phật giáo. Gia đình tập trung vào con người mà không có sự phân biệt đối xử giữa con người.

Mặt khác, theo Phật giáo, năm giới có vai trò thúc đẩy cá nhân và gia đình thực hành đạo đức. Họ (1) kiêng giết chúng sinh; (2) kiêng lấy những gì không được đưa ra; (3) kiêng các hành vi tình dục sai trái; (4) kiêng nói sai; và (5) kiêng chất gây say. Những giới luật này, bằng cách chi phối các mối quan hệ xã hội và giữa các cá nhân, họ cung cấp một khuôn khổ đạo đức cho cuộc sống gia đình.

Phương pháp đồng tâm phụ thuộc (Paṭiccasamuppāda) là một trong những giáo lý đáng chú ý và quan trọng nhất của Đức Phật, chủ yếu liên quan đến tâm trí con người. Khi có phát sinh, có ngừng; khi không có sự phát sinh thì không có sự ngừng hoạt động. Vì vậy, khi không có gia đình, không có xã hội. Khi có gia đình tốt, có một xã hội tốt. Nó bền vững bằng cách thực hành đời sống đạo đức và đạo đức. Giới hạn của tôi trong tài liệu này là phạm vi các quan điểm xã hội của Phật giáo.

2. NHỮNG VẤN ĐỀ TRONG GIA ĐÌNH CỦA XÃ HỘI

Như chúng ta biết rằng đau khổ là một trong những giáo lý phổ biến trong Phật giáo và là khám phá quan trọng nhất đối với tất cả mọi người. Có rất nhiều vấn đề ngay bây giờ trong xã hội. Một

số vấn đề này có thể được giải quyết dễ dàng, hoặc không thể giải quyết tùy thuộc vào mức độ xấu của nó. Nhiều người nghĩ rằng những vấn đề này nên được chính phủ giải quyết, vì họ phụ trách. Nhưng chúng ta cũng có thể giải quyết những vấn đề này nếu chúng ta gặp nhau. Không phải tất cả các vấn đề, nhưng có thể giải quyết được một số. Maria Montessori đã viết rằng nhu cầu cơ bản của mọi người rơi vào hai loại: vật chất (nhu cầu sinh tồn) và tinh thần (liên quan đến tâm hồn và trí tuệ). Để xây dựng một thế giới hòa bình hơn, cô coi nhu cầu tâm linh là vô cùng quan trọng.

Nhu cầu vật chất bao gồm: nơi ở, thực phẩm, quần áo, giao thông quốc phòng (an toàn, bảo vệ), y học.

Nhu cầu tâm linh bao gồm: tình yêu tâm linh/văn hóa tôn giáo/nghệ thuật/âm nhạc vanitos (tự tô điểm).

Mặc dù phần lớn mọi người trong xã hội chúng ta có nhu cầu cơ bản, nhưng họ không hạnh phúc. Trong Phật giáo, Dukkha (đau khổ) là giáo lý quan trọng nhất, có định nghĩa và giải thích rộng về cuộc sống và thế giới của chúng ta. Đau khổ được coi là yếu tố tâm lý. Những người trong xã hội hiện tại của chúng ta không chết hoặc đau khổ do nhu cầu cơ bản; họ đau khổ vì kế hoạch không phù hợp hoặc sự hiểu biết và vấn đề tâm lý. Chẳng hạn, một thanh niên trưởng thành sắp kết hôn, chàng trai trẻ nên có sự tự tin, có nguồn sinh kế ổn định và hiểu biết tốt. Vì vậy, trong trường hợp này, Chánh niệm (sammā ditthi) rất cần thiết theo nghĩa Phật giáo. Mặc dù giáo dục là quan trọng nhất, nhưng tự giáo dục tốt hơn giáo dục chứng chỉ. Để người có thể tự giáo dục, Phật giáo trợ giúp cho con đường. Các sự kiện được đề cập ở trên hoàn toàn đối phó với tâm trí con người, sẽ được thảo luận rộng hơn sau này. Tất cả mọi thứ là sự sáng tạo của tâm trí và do đó, kế hoạch hóa gia đình đúng đắn xuất phát từ một tâm trí riêng sẽ giúp họ có một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Không hiểu chính mình, con người hành động hoặc sống hợp pháp hoặc bất hợp pháp; vô cảm hoặc không có cảm xúc; đúng hay không đúng trách nhiệm cho danh tiếng, tên tuổi, quyền lực, v.v. Xã hội đã gán một sự kỳ thị không

thể chối cãi đối với cái gọi là bệnh cảm xúc hoặc tâm thần. Một số loại vấn đề đang được nhìn thấy trong xã hội của chúng ta như hận thù, đánh nhau, hãm hiếp, giết người, xung đột giữa anh em với anh em; xung đột giữa các thành viên trong gia đình hoặc với những người khác.

Phật giáo dạy chúng ta chủ yếu về kiến thức bản thân - tìm hiểu thêm về con người bạn; hiểu một quyết định, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, v.v ... Nó dạy để nhận ra sự hiểu biết về ý thức, tâm trí, hành vi, động lực, tính cách.

Những vấn đề trong một gia đình không phải do thế giới bên ngoài tạo ra, mỗi thành viên trong một gia đình tạo ra đau khổ do sự thiếu hiểu biết và tham ái. Con người tạo ra thế giới bên ngoài, vì vậy con người có thể tạo ra một xã hội tươi đẹp với việc biết mọi vấn đề của chính họ.

3. QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ CHÍNH SÁCH GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI XÃ HỘI BỀN VỮNG

Cá nhân và xã hội là hai hiện tượng có liên quan với nhau và cũng hỗ trợ lẫn nhau. Không có một xã hội mà không có cá nhân. Không có cuộc sống cá nhân được bảo vệ và có tổ chức mà không có xã hội. Do đó, hai hiện tượng này không thể tồn tại tách biệt với nhau. Một số học giả nghiên cứu Phật giáo đã đặt tên Phật giáo là một tôn giáo xã hội. Max Weber đã phổ biến ý tưởng này trong cuốn sách của mình có tên *Tôn giáo ở Ấn Độ*. Vì ý nghĩa xã hội của các bài giảng Phật giáo, E.F. Schumacher trong tác phẩm quan trọng của mình có tên *"Nhỏ là Đẹp"*, nói rằng giáo lý Phật giáo là tốt nhất cho một xã hội lành mạnh. Ông nói rằng sự phát triển (theo Phật giáo) không bắt đầu bằng hàng hóa, nó bắt đầu từ con người và giáo dục, tổ chức và kỷ luật của họ. Theo học giả này, xã hội hiện nay bị chi phối bởi cấu trúc kinh tế xã hội tư bản, cạnh tranh đã trở nên nguy hiểm. Tội ác, cạnh tranh có thể được nhìn thấy trong mọi góc ngách của đời sống đang gây ra bất hạnh và thiệt hại cho con người, xã hội và môi trường tự nhiên. Phật giáo, khuyến khích không cạnh tranh mà hợp

tác mới là giải pháp phù hợp nhất cho tình trạng bất ổn kinh tế và chính trị xã hội hiện nay.

Phật giáo không đi lệch phúc lợi cá nhân khỏi phúc lợi xã hội, nó nhấn mạnh rằng phúc lợi cá nhân, xã hội và tinh thần phải song hành trong việc tạo ra một thế giới hạnh phúc cho tất cả chúng sinh. Triết lý này của Phật giáo có thể được nghiên cứu tốt hơn từ những giáo lý của năm giới, đó là quy tắc đạo đức cơ bản trong con đường đạo đức Phật giáo. Giới đầu tiên là tôn trọng quyền sống của mỗi cá nhân, nó nhằm mục đích bảo tồn cuộc sống của tất cả mọi người. Giới luật thứ hai tôn trọng quyền sở hữu của mỗi thành viên trong xã hội. Giới thứ ba tôn trọng quyền sống của cá nhân: mỗi cá nhân trong xã hội thích và muốn cuộc sống cá nhân của mình (đời sống tình dục và gia đình) không bị làm phiền bởi bất kỳ ai khác dưới bất kỳ hình thức nào. Do đó, Phật giáo thiết lập giới luật đạo đức thứ ba trong việc kiểm chế các hành vi sai trái tình dục. Giới luật thứ tư là kiểm chế lỗi lầm, nó liên quan đến kỷ luật bằng lời nói, khả năng biểu hiện tự nhiên của con người không nên bị lạm dụng theo cách mà nó làm phiền chính mình và người khác. Giới luật thứ năm là kiểm chế những người say, sự hoạt bát và tinh thần và thể chất là điều cần thiết cho cuộc sống cá nhân và xã hội thành công. Intoxicants người đàn ông say sưa ngăn chặn việc sử dụng khả năng tốt nhất nằm trong tính cách của con người. Để ngăn chặn, Phật giáo khuyên răn giới thứ năm này để kiểm chế tất cả các hình thức của chất gây say. Ứng dụng của năm giới chắc chắn có hiệu quả không chỉ đối với phúc lợi cá nhân mà còn đối với phúc lợi của toàn xã hội.

Bài kinh Sigālovada ghi lại lời dạy của Đức Phật cho chủ hộ Sigāla.

‘Ôi! Chủ nhà! Thật vậy, môn đệ cao quý đã từ bỏ bốn phiền não của hành động (giết chóc, trộm cắp, ngoại tình và lỗi lầm). Anh ta không làm những việc ác theo bốn cách (chandā-dục, dosa-tức giận, bhaya-sợ, moha-si mê), anh ta không liên kết sáu cách suy sụp của cải. Do đó, anh ta kiểm chế mười bốn tệ nạn và được bảo vệ từ sáu hướng, anh ta đã

bước vào chiến thắng của cả hai thế giới. Đó là thế giới và thế giới tiếp theo được hoàn thành. Anh ta sẽ được sinh ra trên thiên đàng sau khi chết’.

Trong bài kinh Vyaggapajja, cả sự phát triển cá nhân và tâm linh đã được nhấn mạnh một cách bình đẳng cho sự thịnh vượng của cuộc sống trần tục này, bốn điều được khuyến nghị bao gồm:

- i. Uṭṭhānasampadā - cảnh giác.
- ii. Ārakkhasampadā - bảo vệ
- iii. Kalyānamittata – tình bạn tốt.
- iv. Samajīvikata - cân bằng cuộc sống.

Cảnh giác là một trong những yếu tố cần thiết cho sự tiến bộ của cuộc sống cá nhân. Đó là phẩm chất trái ngược với sự lười biếng. Một người sống với hai phẩm chất tiêu cực này không bao giờ có thể tiến bộ trong nỗ lực của chính mình. Người ta nên từ bỏ chúng và cảnh giác theo năm cách sau.

- i. dakkho - thông minh.
- ii. analaso - hoạt động (không lười biếng).
- iii. Tatrūpāya vimamsāya samannāgato - thông minh trong việc thực hiện các hành vi theo thời gian và tình huống.
- iv. alaṃ kātum - có khả năng làm.
- v. alaṃ saṃvidhātum - có khả năng tổ chức.

Nguyên tắc thứ tư được đưa ra trong bài kinh Vyaggapajja là dẫn dắt một sự cân bằng hoặc dẫn đến một cuộc sống tương tự. Bốn phẩm chất được đề nghị cho sự thăng tiến tâm linh là saddhā (tự tin), sīla (đạo đức), cāga (rộng lượng) và paññā.

Mặt khác, “Parābhava Sutta” cũng như “Vasala Sutta”, quan tâm đến việc cuộc sống của một người bị hạ cấp như thế nào nếu anh ta không duy trì nghĩa vụ của mình với người khác và với xã hội.

Bát Chánh đạo (ariya aṭṭhaṅgika maggo) chạm đến các nguyên lý của Phật giáo đối với chính sách gia đình trong một xã hội bền

vững. Nhận thức về đau khổ (dukkha) có nghĩa là hiểu đầy đủ về sự không thỏa mãn liên quan đến năm tập hợp của sự nắm bắt vượt quá sự đau khổ thông thường. Nguồn gốc của đau khổ, được phân loại là tham ái khoái lạc nhục dục (kāma tañhā), tham ái trở thành (bhava tañhā) và khao khát không trở thành (Vibhava tañhā). Sự chấm dứt đau khổ là sự xoa dịu (nibbāna). Con đường dẫn đến giải thoát là Bát Chánh đạo (ariyāṭṭhaṃgika magga). Con đường cao quý bao gồm những thực hành giúp nhìn nhận sự vật hiện tượng đúng bản chất, bao gồm:

- i. Sammā-Ditṭhī: Chánh kiến. Nhìn nhận đúng bản chất của thực tế.
- ii. Sammā-Sankappa: Chánh tư duy. Tư duy đúng bản chất của thực tế.
- iii. Sammā-Vāca – Chánh ngữ. Rõ ràng, trung thực, giao tiếp không gây hại.
- iv. Sammā-Kammanta – Chánh nghiệp. Một nền tảng đạo đức dựa trên nguyên tắc không gây hại bản thân và người khác.
- v. Sammā-Ajīva – Chánh mạng. Lựa chọn một sinh kế chân chính.
- vi. Sammā-Vāyama – Chánh tinh tấn. Có ý thức hướng năng lượng để thúc đẩy sự chuyển hóa và chữa lành một cách toàn vẹn.
- vii. Sammā-Sati - Chánh niệm. Phát triển nhận thức.
- viii. Sammā-Samadhi – Chánh định. Tập trung đúng đắn, thiên định, hấp thụ một hướng của tâm trí.

Phật giáo giải thích bản chất của cuộc sống dựa trên phân tích về phân loại và lý thuyết nhân quả. Chính nguồn gốc Phụ thuộc (Paṭi-casamuppāda) mà con người nên hiểu rõ trong mọi cách sống. Đức Phật đang xem xét thực tế về nguyên nhân của sự suy đồi và cái chết. Do đó, Ngài nhận ra sự vô ích của các quan điểm khác và tính độ dao của lý thuyết nhân quả của Ngài.

Một người mẹ nên thực hành những lời dạy của tám con đường cao quý và dẫn dắt các thành viên khác trong gia đình. Nếu một gia đình có thể sống với cách thực hành này, nó sẽ tạo ra một mạng lưới

trong xã hội. Theo đó, xã hội sẽ duy trì trong hòa bình. Do đó, giáo lý chính của Đức Phật đóng một vai trò rất quan trọng đối với một xã hội bền vững.

4. TÂM TRÍ LÀ ĐIỂM THEN CHỐT CHO XÃ HỘI BỀN VỮNG

Ngay từ đầu lịch sử loài người, loài người đã cố gắng để biết và hiểu bản chất tự nhiên của thế giới xung quanh. Điều này là phổ biến đối với bất kỳ nền văn hóa cổ đại nào trên thế giới. Mỗi người trong số họ đã duy trì những ý tưởng nhất định về bản chất của vũ trụ. Một số trong số họ phát triển như tôn giáo, một số khác là triết học trong khi những ý tưởng nhất định trưởng thành như khoa học. Những người có hành vi tâm thần thấp cư xử với những người có tâm lý thấp. Những người được trời phú cho tâm từ bi cư xử với người có lòng trắc ẩn.

Trong Dhammapāda thi kệ rất nổi tiếng có đoạn “Manopubbaṅgamā dhammā, manoseṭṭhā manomayā”, tâm trí bao vây mọi thứ, mọi thứ đều do tâm tạo ra. Hạnh phúc hay bất hạnh đến từ trong tâm trí chúng ta. Nếu con người có thể lãnh đạo bằng sự hiểu biết đúng đắn, bất cứ điều gì trong thế giới của chúng ta đều có thể bền vững. Vì vậy, sẽ có một xã hội bền vững khi có tư duy đúng đắn xuất hiện.

5. KẾT LUẬN

Vì vậy, tôi tự tin tin rằng các tài liệu liên quan có ý nghĩa đối với xã hội bền vững. Tôi suy luận rằng giáo lý Phật giáo luôn tập trung vào các khía cạnh thực tiễn trong cuộc sống, và cá nhân nên tuân theo các giáo lý trong cuộc sống của họ. Đây là những giáo lý rất cần thiết có thể được thực hành bởi tất cả con người không chỉ bởi Phật tử. Phật giáo là một triết lý. Những giáo lý đã được Đức Phật phát hiện 2500 năm trước vẫn còn hiệu lực thực sự của nó. Phật giáo là vô giá trị cho đến khi con người coi trọng nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguồn chính

Chattha Sangayana Tipitaka 4.0

Nguồn thứ cấp

Ratnapala, Nandasena (1993). Buddhist Sociology , First edition:Delhi, Published by:Sri Satguru Publications.

Weeraratne,W.G (2009), Individual and Society in Buddhism, Sri Lanka. Publisher:Buddhist Cultural Center.

Kariyawasam, Tilokasundari (2003), Buddhism and Psychology, Godage International Publisher.

Kalupahana, David j. (2008), A path of morals Dhammapada, published by Buddhist Cultral Centre.

Nissanka, H.S.S. (1995), Buddhist Psychotherapy, Vikas Publishing House Pvt LTd.

Weber, Max (2000),The Religions of India the sociology of Hinduism and Buddhism, Publisher: Munshirm M.

Schumacher ,E.F.(1973). Small is beautiful, Publisher: Blond & Briggs.

Internet sources

www.acesstoinsight.com

www.sutracentral.com

www.dharmaferars.org

www.montessoriservices.com

